

Bản án số: 180/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2017

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TUỜNG**

2. Ông **LÝ MINH HÙNG**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 419/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **PHẠM THỊ NHÃ P**, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **NGUYỄN VIỆT L**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 14/6/2017 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Phạm Thị Nhã P trình bày:

Do quen biết nên chị và anh L kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng, thường tranh cãi và trong công việc làm ăn anh L luôn tự quyết định, không bàn bạc gì với chị. Anh chị chính thức ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Nay chị cương quyết xin ly hôn anh L.

Con chung, tài sản chung không có và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tờ tự khai (không ngày tháng năm) và lời khai tại Toà, bị đơn anh Nguyễn Việt L trình bày:

Anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, do làm ăn thất bại nên vợ chồng mới xảy

ra mâu thuẫn. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị P do còn thương vợ. Con chung, tài sản chung không có và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị P và anh L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Theo chị P trình bày thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị có quá nhiều điểm bất đồng thường tranh cãi và bản thân anh L trong công việc làm ăn ít chia sẻ với chị dẫn đến tình cảm vợ chồng lợt lạt nên anh chị đã chính thức ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh L. Về phía anh L thì cho rằng do làm ăn thất bại nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy, cho chị P được ly hôn anh L là có cơ sở. Bởi lẽ, vào thời điểm năm 2010 anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng mà chỉ sống hạnh phúc được đến tháng 6/2015 thì phát sinh mâu thuẫn luôn cho đến nay mà không có biện pháp nào khắc phục để hàn gắn xây dựng tổ ấm và bản thân chị P tại phiên tòa xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh L, cũng như anh L mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được phương án nào thuyết phục chị P để vợ chồng sum họp, sắp xếp lại cuộc sống gia đình hiện tại do đó cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Anh, chị đều trình bày không có nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Anh, chị đều trình bày không có nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Anh, chị đều không tranh chấp nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Nhã P. Cho chị Phạm Thị Nhã P được ly hôn anh Nguyễn Việt L.

Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Nhã P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 07018 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

